

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2020

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phú Tra.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Giáp

Bà Đào Thị Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Mạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST- HNGĐ ngày 08/01/2020 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Chane Đ, sinh năm 1983

HKTT: Ấp HL, xã HH, huyện CN, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ tạm trú: Thôn TL, ấp AC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Ngô Đức T, sinh năm 1983

HKTT: Số 18, Tổ 57A, Khu 7, phường NT, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ tạm trú: Thôn TL, ấp AC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Đ, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tường trình nguyên đơn chị Thạch Thị Chane Đ trình bày:***

Chị và anh Ngô Đức T, sau khi tìm hiểu đã đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/7/2010.

Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, trong cuộc sống có những quan điểm khác nhau, hai bên không chăm sóc, chia sẻ cùng nhau, có những lời lẽ xúc phạm và thiếu tôn trọng nhau. Anh T không chăm lo đến gia đình, con cái, thường xuyên bỏ bê vợ con. Anh T đã bỏ gia đình đi sống riêng cách đây 03 năm, chị đã cố gắng liên lạc để hàn gắn nhưng không được. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Ngô Bảo Ng, sinh ngày 05/9/2010 và cháu Ngô Bảo Ch, sinh ngày 11/5/2012.

Hiện tại cháu Ngô Bảo Ng đang sống cùng anh T, khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu Ngô Bảo Ng cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; chị được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ngô Bảo Ch.

Tạm thời hai người không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Do bận việc và không thể hàn gắn được với anh T nên chị có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

* *Tại bản bản tường trình đề ngày 06/02/2020 bị đơn anh Ngô Đức T trình bày:* Anh và chị Đ qua tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận kết hôn.

Quá trình chung sống thì vợ chồng hạnh phúc khoảng được 02 năm đầu. Sau đó, hai vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do công việc của anh T thất thường, thu nhập không ổn định, sau khi sinh con kinh tế càng khó khăn nên vợ chồng thường cãi vã, không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ cùng nhau làm cho không khí gia đình luôn căng thẳng. Đỉnh điểm là vào khoảng giữa năm 2017, anh đã dọn ra ngoài sống riêng từ đó cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không đoàn tụ được.

Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Chane Đ.

Về con chung: Anh và chị Đ có 02 con chung là cháu Ngô Bảo Ng, sinh ngày 05/9/2010 và cháu Ngô Bảo Ch, sinh ngày 11/5/2012. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Bảo Ng; đồng ý giao cháu Ngô Bảo Ch cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm thời hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Do bận việc nên không thể đến Tòa làm việc được, anh T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chị Đ và anh T có đăng ký kết hôn tự nguyện nên hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, anh T không có trách nhiệm với gia đình, không cùng nhau chăm lo cho các con chung, anh T đã dọn ra ở riêng khoảng 03 năm nên xét thấy mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Ngô Bảo Ng, sinh ngày 05/9/2010 và cháu Ngô Bảo Ch, sinh ngày 11/5/2012. Khi ly hôn, chị Đ yêu cầu được nuôi cháu Ch và giao cháu Ng cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hiện cháu Ch đang sống cùng chị Đ, cháu Ng đang sống cùng anh T, điều này cũng đúng nguyện vọng của các cháu và đã được anh T đồng ý nên ghi nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, các bên thống nhất tạm thời hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Thạch Thị Chane Đ có đơn yêu cầu ly hôn với anh Ngô Đức T và yêu cầu tòa án xác định người trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn. Do đó, chị Đ được xác định là nguyên đơn, anh T được xác định là bị đơn trong vụ án; quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh T kết hôn vào năm 2010, trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/7/2010 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay chị Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T và được Tòa án thụ lý ngày 08/01/2020 nên áp dụng thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh T là có thật. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc do phát sinh mâu thuẫn, anh T không còn chăm lo đến cuộc sống chung của vợ chồng. Hai bên đã không còn sống chung từ giữa năm 2017 đến nay. Điều này được chị Đ và anh T thừa nhận tại bản tường trình (BL: 14, 15). Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các canh việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Như vậy, chị Đ và anh T không còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau, không cùng mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Đ và anh T có 02 con chung là cháu Ngô Bảo Ng, sinh ngày 05/9/2010 và cháu Ngô Bảo Ch, sinh ngày 11/5/2012. Hiện tại cháu Ch đang sống cùng chị Đ, cháu Ng đang sống cùng anh T. Khi ly hôn, chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Ch và giao cháu Ng cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, tạm thời hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với yêu cầu của chị Đ như trên, đúng với nguyện vọng của các con chung và đã được anh T đồng ý nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Đ và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự cam kết không có nợ chung.

[3].Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Chane Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Chane Đ được ly hôn với anh Ngô Đức T.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Bảo Ng, sinh ngày 05/9/2010 cho anh Ngô Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Ngô Bảo Ch, sinh ngày 11/5/2012 cho chị Thạch Thị Chane Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Thạch Thị Chane Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006794 ngày 30/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Đ đã nộp đủ án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom;
- Các đương sự;
- UBND xã Hiệp Hòa, Cầu Ngang, Trà Vinh;
- (Giấy CNKH số: 90 ngày 12/7/2010)
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán;

Mẫu 52-DS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phú Tra

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huy Giáp

Đào Thị Giang

Phạm Phú Tra

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom;
 - Các đương sự;
 - UBND phường Tân Biên;
- (Giấy CNKH số: 144 ngày 08/5/2001)
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bom;

- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán;
Mẫu 52-DS

Phạm Phú Tra